

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 116/QĐ-CDVL ngày 23 tháng 7 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Vĩnh Long)

Ngành đào tạo: TRỒNG TRỌT & BẢO VỆ THỰC VẬT

Mã ngành: 5620111

Vĩnh Long, 2020

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2020

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Mã ngành, nghề: 5620111

Trình độ đào tạo: TRUNG CẤP

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 1,5 đến 2 năm học

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung:

Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trình độ trung cấp là ngành, nghề đào tạo các nội dung về: Đất, phân bón, môi trường sống, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trồng, đặc biệt nghiên cứu và thực nghiệm sâu về các kiến thức về sâu hại, bệnh hại cây trồng và các biện pháp quản lý phòng trừ sâu bệnh, dịch hại trên cây trồng và các công việc khác, đáp ứng yêu cầu bậc 4 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các nhiệm vụ của nghề bao gồm từ việc bảo vệ cây trồng trên hiện trường đến công tác nghiên cứu, tổ chức sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

Mô tả, nhận biết và phân tích được những đặc điểm cơ bản về sinh vật gây hại cây trồng;

Phân loại được các nhóm triệu chứng theo bệnh hại và côn trùng gây hại;

Trình bày được các phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón an toàn hiệu quả và bảo vệ môi trường;

Trình bày được phương pháp điều tra, dự tính dự báo dịch hại cây trồng;

Trình bày được các nguyên tắc về quản lý dịch hại tổng hợp và đưa ra các biện pháp phòng trừ có hiệu quả;

Trình bày được các phương pháp khuyến nông, bảo vệ môi trường;

Trình bày được các kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong nông nghiệp, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng;

Liệt kê được các phương pháp bố trí thí nghiệm, khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và giống cây trồng;

Trình bày được những nội dung cơ bản của các loại văn bản quy định nhà nước liên quan đến bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật;

Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật,

quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Về kỹ năng:

Nhận biết chính xác các loại dịch hại và đưa ra biện pháp phòng trừ hiệu quả;

Tổ chức điều tra phát hiện, dự tính dự báo dịch hại trên cây trồng;

Lập được kế hoạch về phòng trừ sinh vật hại theo nhóm cây trồng;

Thực hiện được cơ bản công tác khuyến nông liên quan đến bảo vệ thực vật;

Mô phỏng bố trí thí nghiệm và khảo nghiệm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật;

Thực hiện sản xuất và kinh doanh và các hoạt động khác liên quan đến lĩnh vực bảo vệ thực vật theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật;

Tham gia cùng quản lý hiệu quả hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Về năng lực tự chủ, trách nhiệm:

Có phẩm chất đạo đức tốt và nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp, có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và các quy định tại nơi làm việc;

Trung thực và có tính kỷ luật cao, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao;

Có ý thức trách nhiệm công dân, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, kỹ năng lao động nghề nghiệp, có khả năng làm việc theo nhóm;

Có phương pháp làm việc khoa học, sáng tạo và luôn cập nhật thông tin.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Điều tra sinh vật hại;
- Dự tính, dự báo sinh vật hại;
- Phòng trừ sinh vật hại;
- Khuyến nông bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật;
- Khảo nghiệm phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 31

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 57 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 225 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.155 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 375 giờ (26,6%); Thực hành, thực tập, thí nghiệm, thi, kiểm tra: 1.035 giờ (73,4%).

3. Nội dung chương trình:

Mã MH	Tên môn học / mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành / thực tập / thí nghiệm / bài tập / thảo luận	Thi / Kiểm tra
I. Các học phần chung:		12	255	94	148	13
DT5001	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
DT5002	Pháp luật	1	15	9	5	1
DT5003	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
DT5004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
DT5005	Tin học	2	45	15	29	1
DT5006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	4	90	30	56	4
II. Các môn học chuyên môn:		43	1155	281	839	35
II.1 Môn học cơ sở		15	330	114	200	16
NN59901	Kỹ năng giao tiếp	2	30	20	8	2
NN5202	Sinh lý thực vật	2	45	15	28	2
NN5203	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	1	30	8	20	2
NN5204	Đất trồng-Phân bón	3	75	15	58	2
NN5205	Khí tượng nông nghiệp	1	15	9	5	1
NN5206	Thủy nông	1	15	9	5	1
NN5207	Giống cây trồng	2	45	15	28	2
NN5208	GAP & nông nghiệp hữu cơ	1	30	8	20	2
NN5209	Quản lý cỏ dại	2	45	15	28	2
II.2 Môn học chuyên môn		28	825	167	639	19
NN5210	Thuốc bảo vệ thực vật	3	60	30	28	2
NN5211	Bệnh cây trồng	3	60	30	28	2
NN5212	Côn trùng nông nghiệp	2	45	15	28	2
NN5213	Cây lương thực	2	45	15	28	2
NN5214	Cây ăn trái	2	45	15	28	2
NN5215	Cây rau & trồng rau không cần đất	2	45	15	28	2
NN5216	Nấm ăn	1	30	8	21	1
NN5217	Khuyến nông	1	30	8	20	2
NN5218	Phòng trừ dịch hại	2	45	15	28	2
NN5219	Luật ngành	1	30	8	21	1
NN5220	Hoa, cây cảnh	1	30	8	21	1

Mã MH	Tên môn học / mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành / thực tập / thí nghiệm / bài tập / thảo luận	Thi / Kiểm tra
NN5221	Thực tập ngoại khóa	1	45		45	0
NN5222	Thực tập nghề nghiệp (3-6 tuần)	3	135		135	0
TN5000	Thực tập tốt nghiệp (8 tuần)	4	180		180	0
Tổng cộng		55	1410	375	987	48

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn sử dụng chương trình đào tạo

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niêm chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ 01 tín chỉ lý thuyết tương đương với 15 giờ thực học và 30 giờ chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 01 tín chỉ thực hành tương đương với 30 giờ thực học và 15 giờ chuẩn bị cá nhân;

+ 01 tín chỉ thực hành Lâm sàng tương đương với 45 giờ thực học

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn kiểm tra hết môn học:

Thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động -

Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niêm chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Người học được công nhận tốt nghiệp nếu thỏa các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Thỏa các yêu cầu khác do Hiệu trưởng trường quy định.
- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra thường xuyên, một cột điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn. Tất cả điểm kiểm tra, điểm thi được tính theo thang điểm 10, giảng viên dạy làm tròn đến một chữ số thập phân. Cách tính điểm cụ thể như sau:

- + Kiểm tra thường xuyên: hệ số 1
- + Kiểm tra định kỳ: hệ số 2
- + Điểm trung bình kiểm tra = [kiểm tra thường xuyên + (kiểm tra định kỳ * 2)]/3
- + Thi kết thúc môn học
- + Điểm TB cuối môn = (trung bình kiểm tra * 0,4) + (Điểm thi kết thúc môn học * 0,6).

Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:

Điểm môn học (thang điểm 10)	Điểm môn học (quy ra điểm chữ)	Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)
8,5 - 10,0	A	4,0
8,0 - 8,4	B+	3,5
7,0 - 7,9	B	3,0
6,5 - 6,9	C+	2,5
5,5 - 6,4	C	2,0
5,0 - 5,4	D+	1,5
4,0 - 4,9	D	1,0
0,0 - 3,9	F	0,0

4.4 Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện Chương II (Điều 19 - 26), Thông tư số 09/2017/TT-BLDTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niêm chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và tích lũy đủ số lượng tín chỉ theo quy định, có đủ điều kiện thì sẽ được xét công nhận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu theo quy định của trường.

**PHÊ DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**



ThS. Trần Minh Cố

TRƯỞNG KHOA

Võ Thành Phong